TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/ DS-ST
Ngày: 14 – 02 – 2025.
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thành và ông Nguyễn Ngọc Chẩn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2024/TLST - DS ngày 17 tháng 9 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST - DS ngày 19/12/2024, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ trụ sở: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Trung V – chức vụ: Giám đốc Văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP K tại TP . (*theo Quyết định về việc uỷ quyền ký duyệt hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác xử lý nợ số 68/QĐ – CT /HĐQT ngày 09/7/2024*)

Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Tấn P. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K. Địa chỉ: I N, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (*theo Quyết định về việc uỷ quyền thực hiện các công việc liên quan đến công tác xử lý nợ số 2074A/QĐ – NHKL ngày 29/7/2024*). Ông P vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày*:

Ngày 14/8/2019, ông Lê Văn S và Ngân hàng Thương mại cổ phần K – chi nhánh P1 – phòng G (gọi tắt Ngân hàng) có ký giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế K1 số 0087/TC/ 0103-06940. Theo giấy đăng ký nêu trên, Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng cho ông S với hạn mức 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), lãi suất vay theo mức lãi suất của Ngân hàng K2 trong từng thời kỳ, thời hạn vay 36 tháng. Quá trình vay, ông S vi phạm thoả thuận trả nợ và khoản nợ này đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/02/2025, ông S nợ Ngân hàng tổng số tiền 62.605.401 đồng (*trong đó gốc là 14.246.738 đồng; lãi phát sinh: 15.438.795 đồng, phí phạt chậm trả: 32.919.868 đồng*) nên Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc ông S phải trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

**Bị đơn ông Lê Văn S được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông S đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại cổ phần K khởi kiện ông Lê Văn S về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", ông S cư trú tại thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án dân sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung vụ án:

Ngân hàng thương mại cổ phần K khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn S trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 14/02/2025 là 62.605.401 đồng (*trong đó gốc là 14.246.738 đồng; lãi phát sinh: 15.438.795 đồng, phí phạt chậm trả: 32.919.868 đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông S vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, HĐXX căn cứ các tài liệu, chứng cứ do đại diện của Ngân hàng cung cấp, cụ thể: tại giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng

thẻ tín dụng Quốc tế K1 giữa Ngân hàng và ông S có thể hiện chữ ký và chữ viết Lê Văn S tại mục chủ thẻ chính. Quá trình cho vay, ông S vi phạm thoả thuận trả nợ nên Ngân hàng nhiều lần thông báo về việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ trả nợ, tại các thông báo đều ghi rõ số tiền ông S còn nợ Ngân hàng qua từng thời kỳ, các thông báo nêu trên đều có chữ ký xác nhận của khách hàng là Lê Văn S. Ngoài ra, giữa Ngân hàng và ông S nhiều lần có biên bản làm việc với nhau về việc yêu cầu xử lý khoản nợ thẻ tín dụng.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh và phí phạt chậm trả: Tại mục 8 của Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế K1 giữa Ngân hàng và ông S có thoả thuận "…Bằng việc ký vào đơn này, tôi/ chúng tôi xác nhận rằng tôi/ chúng tôi đã đọc, hiểu và chấp nhận bị ràng buộc bởi Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế K1". Đối chiếu tại điều 3 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế K1 thoả thuận lãi suất cho vay: Theo quy định của K1 phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và được công bố trên website http://kienlongbank.comvà có quy định về việc trả các loại phí chung.

Xét ông S nợ Ngân hàng nhưng không trả nợ theo đúng thời gian thoả thuận, khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của chủ thẻ theo quy định tại điểm f khoản 10.2 Điều 9 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế K1 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Ngân hàng căn cứ thoả thuận tại điểm i khoản 11.1 Điều 11 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế K1 để khởi kiện yêu cầu ông S trả nợ là có căn cứ.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Lê Văn S phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/02/2025 là 62.605.401 đồng (*trong đó gốc là 14.246.738 đồng; lãi phát sinh: 15.438.795 đồng, phí phạt chậm trả: 32.919.868 đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế K1.

Trường hợp trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế K1, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí: Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 4 Luật thương mại 2005; Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Lê Văn S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền còn nợ tính đến ngày 14/02/2025 là **62.605.401 đồng** (*trong đó gốc là 14.246.738 đồng; lãi phát sinh: 15.438.795 đồng, phí phạt chậm trả: 32.919.868 đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, ông S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận giữa các bên trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế K1.

Trường hợp trong Giấy đăng ký phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế K1, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Buộc ông Lê Văn S phải chịu 3.130.270 đồng (*Ba triệu một trăm ba mươi nghìn hai trăm bảy mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền 1.332.000đ *(Một triệu ba trăm ba mươi hai nghìn đồng)* tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000500 ngày 17/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Phú Yên(1)
- VKSND TX. Sông Cầu (2)
- THADS TX. Sông Cầu (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Hà